

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

MÔN: Sinh 7 - tháng 11

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 7	CHỦ ĐỀ: NGÀNH GIUN ĐỐT Bài 17: MỘT SỐ GIUN ĐỐT KHÁC
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. Một số giun đốt thường gặp HS quan sát hình vẽ và đọc thông tin trong sách giáo khoa - Giun đỏ thường sống thành búi ở cống rãnh (nước ngọt). Có lối sống định cư. - Đầu cắm xuống bùn, thân phân đốt. Là thức ăn của cá cảnh.  Giun đất  Rươi  Đũa  Giun đỏ  Sá sùng  Vắt - Đũa sống ở suối, ao, ruộng lúa (nước ngọt). Kí sinh ngoài. - Có giác bám và nhiều ruột tịt để hút và chứa máu từ vật chủ. - Rươi sống ở nước lợ. Có lối sống tự do. - Cơ thể p. đốt và chi bên có tơ phát triển. Đầu có mắt, khứu giác và xúc giác. Là t.ăn của cá và người. - Sống tự do và chui rúc ở các vùng bờ ven biển. - Sá sùng sống tự do và chui rúc ở các vùng bờ ven biển. cơ thể không có tim, gan, phổi. Da thay đổi màu sắc tùy m.t nó ở. Làm thức ăn cho người và cá. - Đại diện: Giun đất, Giun đỏ, đũa, rươi, sá sùng... II. Vai trò của giun đốt Lợi ích: - Làm thức ăn cho người - Làm thức ăn cho động - Làm cho đất màu mỡ, tơi xốp, thoáng, khí - Làm thức ăn cho cá Tác hại - Có hại cho người và động vật

	chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ môi trường, bảo vệ ngành Giun đốt?
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	Câu 1: Những đại diện nào sau đây thuộc ngành Giun đốt? A. Giun đũa, rươi, sá sùng. B. Giun đỏ, giun kim, giun móc câu. C. Giun đất, rươi, sá sùng. D. Giun rế lúa, giun kim, đĩa. Câu 2: Loài nào sau đây thuộc ngành Giun đốt được xem là “Chiếc cày sống”? A. Giun đỏ. B. Giun đất. C. Sá sùng. D. Đĩa. Câu 3: Loài nào sau đây thuộc ngành Giun đốt gây hại cho cơ thể người và động vật? A. Giun đũa. B. Giun kim. C. Rươi. D. Vắt.

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 7	CHỦ ĐỀ: NGÀNH THÂN MỀM Bài 18: TRAI SÔNG
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	I. Hình dạng, cấu tạo 1. Vỏ trai Quan sát hình và trả lời câu hỏi Để mở vỏ trai quan sát bên trong cơ thể, phải làm thế nào? Trai chết thì vỏ mở, tại sao? Mài mặt ngoài của vỏ trai ta thấy mùi khét, Vì sao? - Vỏ trai: gồm 2 mảnh gắn với nhau nhờ bản lề phía lưng - Vỏ trai mở ra, đóng vào nhờ bản lề có dây chằng cùng hai cơ khép vỏ ở mặt trong của vỏ - Vỏ trai có cấu tạo gồm 3 lớp: lớp sừng bọc ngoài, lớp đá vôi ở giữa và

lớp xà cừ ở trong

2. Cơ thể trai

Cơ thể trai có cấu tạo thế nào?

- Phần ngoài: có áo trai tạo thành khoang áo, ống hút nước và ống thải nước
- Phần giữa là hai tấm mang.
- Phần trong: là thân trai, chân trai, lỗ miệng và tấm miệng phủ đầy lông.

II. Di chuyển

Đọc thông tin, quan sát hình và trả lời các câu hỏi sau

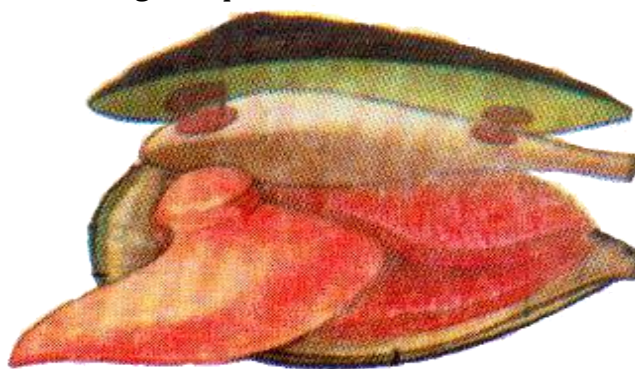


Trai sông di chuyển nhanh hay chậm? Đã bao giờ em nhìn thấy trai sông đang di chuyển chưa?

- Chân trai thò ra, thụt vào kết hợp với đóng mở vỏ → trai di chuyển về phía trước

III. Dinh dưỡng

Đọc thông tin, quan sát hình và trả lời các câu hỏi sau



Dòng nước theo ống hút vào khoang áo mang theo những chất gì vào miệng và mang trai?

Thức ăn của trai là gì?

Quá trình lọc thức ăn của trai sông diễn ra ở đâu?

Quá trình hô hấp của trai diễn ra ở đâu?

Tại sao nhiều bề nước người ta thường thả trai vào để lọc nước?

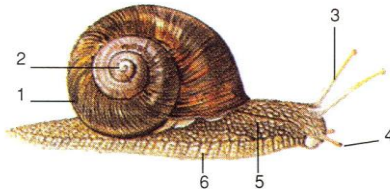
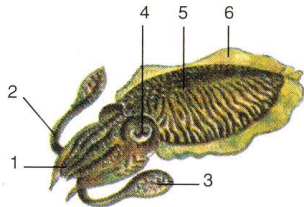
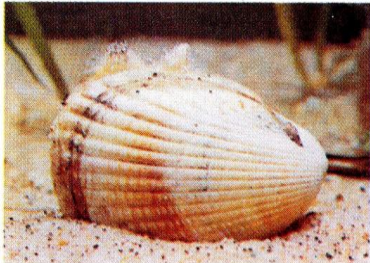
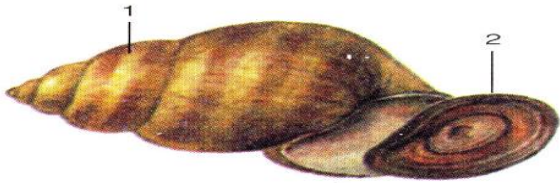
- Thức ăn: Động vật nguyên sinh và vụn hữu cơ.
- Dinh dưỡng kiểu thụ động
- Quá trình hô hấp diễn ra ở mang

III. Sinh sản

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi sau

Trai là động vật phân tính hay lưỡng tính?

	Quá trình sinh sản và phát triển của trai diễn ra như thế nào? Trai là động vật phân tính. Có trai đực, trai cái, thụ tinh trong, đẻ trứng.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	Trai tự vệ bằng cách nào? Cấu tạo nào của trai đảm bảo cách tự vệ đó có hiệu quả.

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 7	CHỦ ĐỀ: NGÀNH THÂN MỀM Bài 19: QUAN SÁT MỘT SỐ THÂN MỀM
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. Một số đại diện  Hình 19.1. Ốc sên sống trên cạn 1. Vỏ ốc ; 2. Đỉnh vỏ ; 3. Tua đầu ; 4. Tua miệng ; 5. Thân ; 6. Chân.  Hình 19.2. Mực sống ở biển 1. Tua ngắn ; 2. Tua dài ; 3. Giác bám ; 4. Mắt ; 5. Thân ; 6. Vây bơi.  Hình 19.3. Bạch tuộc Sống ở biển, giống như mực nhưng chỉ có 8 tua, mai lưng tiêu giảm, săn mồi tích cực, có giá trị thực phẩm.  Hình 19.4. Sò Sò có 2 mảnh vỏ, sống ở ven biển. Biển nước ta có vài chục loài sò khác nhau. Sò huyết là đặc sản, có giá trị xuất khẩu.  Hình 19.5. Ốc vặn 1. Vỏ ; 2. Nắp vỏ Ốc vặn ở nước ngọt, có 1 vỏ xoắn ốc, trứng phát triển thành con non trong khoang áo ốc mẹ, có giá trị thực phẩm. II. Một số tập tính của thân mềm 1/ Tập tính ở ốc sên

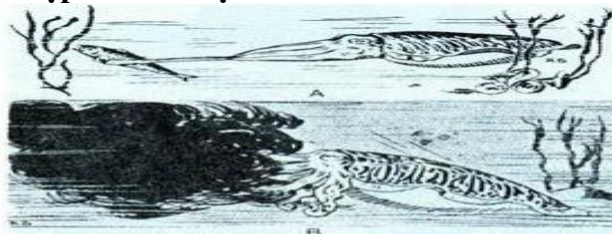


Quan sát hình và trả lời câu hỏi

Ốc sên tự vệ bằng cách nào?

- Đào lỗ để đẻ trứng
- Tự vệ bằng cách thu mình trong vỏ

2/ Tập tính ở mực



Hình 19.7. Tập tính của mực
A – Mực dùng mình trong rong rêu bắt mồi bằng tua dài, tua ngắn dùng để đưa mồi vào miệng :
B – Bị tấn công, mực phun hoá mù để trốn (từ túi mực).

Quan sát hình và trả lời câu hỏi

Mực có mấy cách săn mồi? Đó là những cách nào?

Cách bắt mồi đó như thế nào?

Khi bị tấn công mực làm gì?

- Mực săn mồi bằng 2 cách: đuôi bắt mồi và rình bắt mồi một chỗ.
- Đuôi bắt mồi: mực xác định con mồi, đuôi theo và dùng tua dài bắt con mồi.
- Rình bắt mồi: mực lặn trong rêu đợi mồi, dùng tua dài bắt lấy mồi.
- Bị tấn công, mực phun hóa mù để trốn.

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

- Ý nghĩa sinh học của tập tính đào lỗ đẻ trứng của ốc sên?
- Mực phun chất lỏng có màu đen để săn mồi hay tự vệ?
- Hóa mù mực che mắt động vật khác nhưng bản thân mực có nhìn rõ để chạy trốn không?

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 7	CHỦ ĐỀ: NGÀNH THÂN MỀM Bài 20: QUAN SÁT MỘT SỐ THÂN MỀM (TT)
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các</i>	1. CẤU TẠO VỎ Đọc thông tin và quan sát hình để nhận biết các bộ phận.

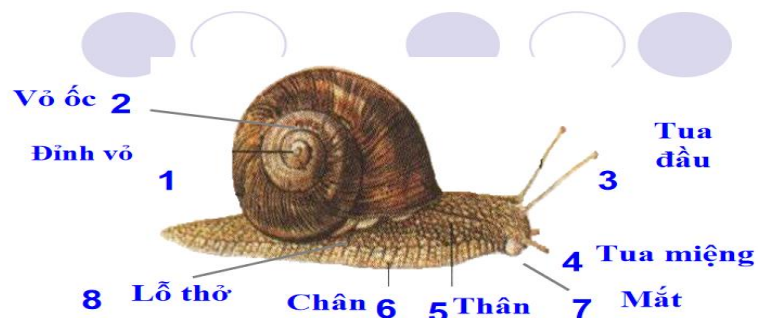
yêu cầu.



Hình 20.3. Mai mực
Mai mực là vỏ đá vôi tiêu giảm.
1. Gai vôi ; 2. Vết các lớp đá vôi.

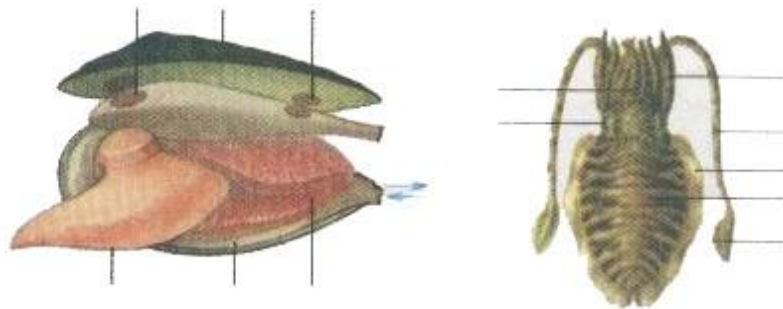


Hình 20.2. Mặt trong vỏ ốc
1. Đỉnh vỏ ; 2. Mặt trong vòng xoắn ;
3. Vòng xoắn cuối ; 4. Lớp xà cừ ;
5. Lớp sừng (ở ngoài).



2. Cấu tạo ngoài

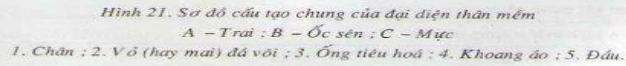
Đọc thông tin và quan sát hình để nhận biết các bộ phận.



NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 7	CHỦ ĐỀ: NGÀNH THÂN MỀM Bài 21: ĐẶC ĐIỂM CHUNG VÀ VAI TRÒ CỦA NGÀNH THÂN MỀM

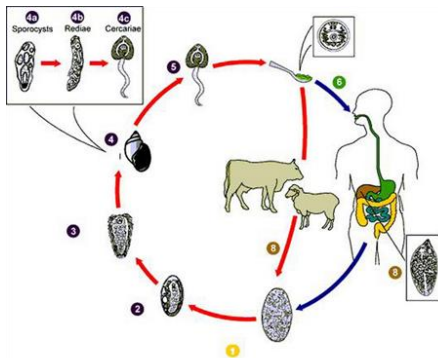
I.Đặc điểm chung

Quan sát hình và hoàn thành bảng 1



Đặc điểm Đại diện	Nơi sống	Lối sống	Kiểu vỏ đá vôi	Đặc điểm cơ thể			Khoang áo phát triển
				Thân mềm	Không phân đốt	Phân đốt	
Trai sông	Nước ngọt	Vùi lấp	2 mảnh vỏ	X	X		X
Sò	Nước mặn	Vùi lấp	2 mảnh vỏ	X	X		X
Ốc sên	Ở cạn	Bò chậm chạp	1 vỏ xoắn ốc	X	X		X
Ốc vặn	Nước ngọt	Bò chậm chạp	1 vỏ xoắn ốc	X	X		X
Mực	Ở biển	Bơi nhanh	Vỏ tiêu giảm	X	X		X

- Thân mềm, không phân đốt
- Có vỏ đá vôi
- Có khoang áo phát triển
- Hệ tiêu hóa phân hóa
- Cơ quan di chuyển thường đơn giản



Quan sát hình và hoàn thành bài tập

Stt	Ý nghĩa thực tiễn	Tên đại diện thân mềm
1	Làm thực phẩm cho người	
2	Làm thức ăn cho động vật	
3	Làm đồ trang sức	
4	Làm vật trang trí	
5	Làm sạch môi trường	
6	Có hại cho cây trồng	
7	Làm vật chủ trung gian truyền bệnh giun sán	
8	Có giá trị xuất khẩu	
9	Có giá trị về mặt địa chất	

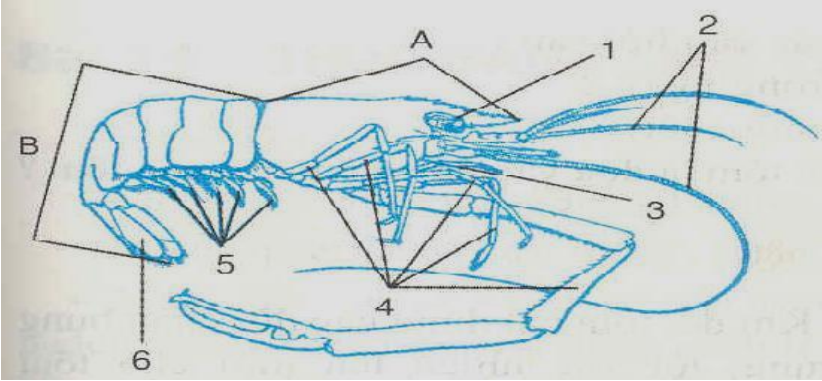
*Lợi ích:

- Làm thực phẩm cho người
- Làm thức ăn cho động vật khác
- Làm đồ trang sức, trang trí
- Làm sạch môi trường nước
- Có giá trị xuất khẩu
- Có ý nghĩa về mặt địa chất

*Tác hại:

- Có hại cho cây trồng
- Làm vật chủ trung gian truyền bệnh giun sán

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	1. Điền từ vào chỗ trống Mực và bạch tuộc thích nghi với lối sống săn mồi và di chuyển tích cực nên tiêu giảm và phát triển 2. Những đặc điểm nào sau đây không thuộc ngành Thân mềm? a, Thân mềm, không phân đốt b. Cơ thể phân đốt, chưa phân biệt đầu, thân, chân. c, Khoang áo phát triển. d, cơ quan di chuyển thường đơn giản
--	---

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 7	CHỦ ĐỀ: NGÀNH CHÂN KHỚP Bài 22: TÔM SÔNG
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. Cấu tạo ngoài và di chuyển 1/Vỏ cơ thể Quan sát hình đọc thông tin và trả lời câu hỏi  - Cơ thể tôm gồm mấy phần? Là những phần nào? - Vỏ tôm được cấu tạo như thế nào? - Ý nghĩa của lớp vỏ kitin giàu canxi ở tôm? - Vỏ được cấu tạo bằng kitin ngấm canxi vỏ cứng cáp Chức năng - Là chỗ bám cho hệ cơ phát triển(bộ xương ngoài) - Che chở và bảo vệ 2/Các phần phụ tôm và chức năng

Chức năng chính các phần phụ của tôm

STT	Chức năng	Tên các phần phụ	Vị trí của các phần phụ	
			Phần đầu - ngực	Phần bụng
1	Định hướng phát hiện mồi	Mắt kép, hai đôi râu	X	
2	Giữ và xử lý mồi	Các chân hàm	X	
3	Bắt mồi và bò	Các chân ngực (càng, chân bò)	X	
4	Bơi, giữ thăng bằng và ôm trứng	Các chân bụng (chân bơi)		X
5	Lái và giúp tôm nhảy	Tám lái		X

3/Di chuyển:

- Tôm có những hình thức di chuyển nào ?
- Hình thức nào thể hiện bản năng tự vệ ?
- Bò
- Bơi (tiến và lùi_
- Nhảy

II. Dinh dưỡng

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

- Thức ăn của tôm là gì? Tôm kiếm ăn vào thời gian nào trong ngày ?
- Người ta dùng thính để câu hay cất vó tôm là dựa vào đặc điểm nào ?
- Sự bắt mồi và tiêu hoá thức ăn diễn ra như thế nào?
- Tôm hô hấp nhờ bộ phận nào?
- Bộ phận nào đảm nhiệm chức năng bài tiết và diễn ra ở vị trí nào của cơ thể?
- Vì sao ấu trùng tôm phải lột xác nhiều lần để lớn lên ?

Càng (bắt mồi)-> chân hàm(nghiền mồi)->miệng->thực quản->dạ dày(tiêu hóa)->ruột(hấp thụ->hậu môn

Tôm hô hấp bằng mang

Qua tuyến bài tiết nằm ở góc đôi râu thứ 2

III/Sinh sản:

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

- Tôm là cơ thể phân tính hay lưỡng tính ?
- Tôm cái ôm trứng do bộ phận nào đảm nhiệm và có ý nghĩa gì?
- Tôm phân tính .Con cái : Ôm trứng(bảo vệ) ,Con đực : Càng to
- Lớn lên qua nhiều lần lột xác.

Hoạt động 2:
Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Chọn phương án trả lời đúng nhất:

- Tôm được xếp vào ngành chân khớp vì:
 - Cơ thể chia 2 phần: Đầu ngực và bụng.
 - Có phần phụ phân đốt, khớp động với nhau.
 - Thở bằng mang.
- Tôm thuộc lớp giáp xác vì:
 - Vỏ cơ thể bằng kitin ngấm canxi nên cứng như áo giáp
 - Tôm sống ở nước.
 - Cả a và b.

	3.Hình thức di chuyển thể hiện bản năng tự vệ của tôm. a, Bơi lùi. b, Bơi tiến. c, Nhảy. d, Cả a và c.
--	--

2.Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
SINH	Mục A: Phần B:	1. 2. 3.

Mọi thắc mắc về kiến thức bài học, học sinh liên hệ:

- Cô: Nguyễn Thị Ngọc Giàu
- Điện thoại: 0773885266 (Có zalo)
- Thời gian: thứ 5 từ 8 giờ đến 16 giờ